寒儒風味賦

HỌC TRÒ KHÓ PHÚ

UN LETTRÉ PAUVRE

P. J. B. TRƯƠNG-VĨNH-KY

CHÉP RA CHỮ QUỐC-NGỮ

VÀ DẪN-GIẢI

士載
張
永
記
註解

SAIGON

BẢN IN NHÀ-HÀNG C. GUILLAND ET MARTINON

—

1883

HỌC TRÒ KHÓ PHÚ

TRÀO *LÊ*, TỈNH *HÀ-NỘI*, HỌC TRÒ GIÁM, TÊN LÀ *NGUYỄN-THẾ-LAN* LÀM

Thằng cha cái khó !
Thằng cha cái khó !

Khôn-khéo với ai,
Vụng-về với nó. (1)

Lúc cực văn-chương chẳng dụng
Tiếng quốc-ngữ nào không ;
Khi nghèo kinh-huấn khôn thông
Lời ngạn-ngôn hẳn có. (2)

Cơn đắc-thế tiền nhiều lúa sẵn,
Dẩu xa-xuôi rừng-núi cũng quen ;
Khi thất-thì ruộng hết nhà không,
Tuy cật-ruột bà-con biếng ngó. (3)

Kìa ai ba bức lều tranh,
Nỗi đó vài gian nhà cỏ. (4)

Cán sơ-sài khi đậu khi kê,
Ăn hầm-hút nửa buồng nửa xó. (5)

Cái cũi lợn nằm xẹp máng,
Buồn chẳng muốn kêu ; (6)
Dấu giàn chuột đánh xáng niêu,
Sấu thôi lại bỏ. (7)

---

(1) Thằng cha tám mươi kiếp cái sự nghèo sự khó ! khôn với ai thì còn khôn được, chớ với cái khó thì làm-sao cũng vụng mà-thôi.

(2) Lời tục hay nói : xách *giạ vay lúa*, ai xách *giạ vay chữ*, cho nên dầu chữ-nghĩa văn-chương mặc-lòng mà nghèo-khó, thì cũng chẳng làm gì ; khi nghèo thì sách-vở cũng lu, lời ngạn-ngữ nói thật có.

Kinh-huấn c. là sách-vở.

(3) Giàu-có trong hang cũng kiếm, khó-khăn giữa chợ không màng : Phú quí đa nhơn hội bần-cùng thân-thích ly.

(4) Kể sự-thể người nghèo : xưa kia cũng có kẻ nghèo ở lều tranh che leo-heo ba tầm ; nên nỗi nay mình cũng nhà lá vài căn lều-láo.

(5) Ăn sơ-sài khi thì đậu luộc, khi thì cháo hột kê ; hầm-hút núp-lén nửa buồng nửa xó mà ăn.

(6) Heo nuôi trong cũi trong chuồng liếm máng đà sạch, nằm xẹp ve đó không muốn kêu nữa.

(7) Trên giàn nồi trách chuột đói kiếm ăn cạy bể nồi bể niêu đi ; sấu thôi cũng bỏ, không coi tới làm chi nữa.

Bóng trăng giọi trứng gà bên bếp,
Thằng nhỏ xí-xỏ ; (1)
Giọt mưa xoi hang chuột trong nhà
Con mèo ngập-ngọ. (2)

Nhà xích-xác phong-trần đến đỗi,
Thần qui khôn soi;
Phật bơ-vơ xiêu-lạc lúc ni,
Đất trời chẳng tỏ. (3)

Ngày hai bữa vỏ bụng rau kêu phịch-phịch,
Người quân-tử ăn chẳng cầu no ;
Đêm năm canh giấc ngủ ngáy pho-pho,
Đời thái-bình cửa hằng bỏ ngỏ. (4)

Om trà góp lá bàng lá ổi,
Đở mùi thơm chát-chát hôi-hôi;
Miếng trầu ăn vỏ huình vỏ chay
Buồn miệng lại nhai-nhai nhỏ-nhỏ. (5)

Đở mồ-hôi võng-lác quạt-mo.
Chống hơi-đất sập-tre guốc-gổ. (6)

Rượu thì uống chén cây trám cỏ,
Chẳng thiếu chi đời?
Trà thời rót ve nọ tháp khu,
Nào cho chi nhỏ? (7)

---

(1) Nhà trống trước trống sau, bóng trăng giọi ra hình tròn-tròn như trứng gà bên vách bên bếp, con-nít xi-xô chạy chi-trỏ chơi.

(2) Nhà giọt nước xoi hang chuột trong nhà, mèo đói rình-hoài không thầy chuột ; rình ước chừng không chắc có chuộc mà bắt mà ăn.

(3) Phận nghèo bơ-vơ xiêu-lạc, nhà-cửa xích-xác khốn cực quá chừng, trời đất không soi, quỉ thần không tỏ cho!

(4) Một ngày ăn vài bữa chaó rau lều laó ; người quân-tử thì vậy ; ăn không có cầu no ; Ban đêm nằm ngủ êm tới sáng, không lo đóng cửa, cũng như đời thái-bình, không ai có đóng cửa.

(5) Không có trà mà uống phải hái lá bàng lá ổi mà uống đỡ cho có hơi chát-chát hôi-hôi.

Không có cau mà ăn trầu thì ăn vỏ huình vỏ chay cho có kẻo buồn miệng, nhai-nhai nhỏ-nhỏ.

(6) Khi nóng-nực đổ mồ-hôi thì dùng quạt mo, võng lác, cho khỏi hơi đất hơi cát, thì ngồi sập bẹn vạc tre, đi guốc gổ.

(7) Khi uống rượu thì dùng chén bằng cây trám nơi cỏ ; chén cây thiếu chi? Pha trà mà uống thì ve bể trét đít.

Sách học nọ ba đời để lại,
Hàng văn hàng chú tôi khôn soi;
Bàn cờ kia tám kiếp nhà ai,
Chữ-nhựt chữ-điền xem chẳng tỏ. (1)

Tìm người vay-bợ,
Rằng : thưa thầy, thưa thím.
Cà-rà mài đái ngồi lâu,
Xin cậu giúp cùng,
Chuyện thằng cột thằng kèo,
Xuôi ngược vuốt râu nói khó. (2)

Về kiếm-chác đủng phương trợ-khỏ,
Chẳng có đặng người;
Đi tìm người kiếm chốn đở-che,
Ướm không ra thỏ. (3)

Đến lúc cùng, khó nổi ra vỏ,
Cơn khi ngặt, cực bề nảy trò. (4)

Nghèo cũng muốn dụng đường cơ tắc,
Sợ nổi nhà ngớ mặt chị em;
Khó cũng phòng toan chước cùng đi,
Sợ phép nước chưa nên gan sừng-sộ. (5)

---

(1) Sách học đã cũ hơn ba đời hàng chánh văn hàng chú-giải nó đà lu-lu lít-lít coi đà không ra;

Bàn cờ tướng đã cũ-xèm, không biết đà mấy kiếp, nước chữ nhựt, nước chữ điền, đà lu đi hết, coi đà không thấy nét.

(2) Túng quá phải đi tạm đi hỏi vay-bợ mà ăn; vào lòn ra cúi đến cửa nhà giàu những thưa dạ khép-nép *thầy, thím*; cà-rà ngồi lết đái đó nắn-nỉ xin cậu mợ giúp. Chủ kể chuyện thằng cột thằng kèo dai-he xuôi ngược, cứ ngồi vuốt-râu nói khó lòng không muốn cho.

(3) Vay không được về nhà lo phương đỡ ngặt kiếm người không có người; lâu túng đi đánh me đánh bạc, hốt me mà chày họa-may; ướm chỗ nấy chỗ kia, kiếm không ra ai chịu làm thỏ cho.

(4) Cùng-túng quá đi rồi không còn phương nào thế nào mà tính nữa.

(5) Hết sức làm gì không ra, muốn gian-giảo ăn cắp ăn kiếu, mà sợ hổ mặt với anh em chị em; Lâu túng toan đi ăn-trộm ăn-cướp mà ăn, thì lại sợ phép-Nước, rủi chúng bắt được thì mang khốn.

Toán dã-hạc toan nhờ lộc thánh,
Thời người trí túc vị cung; (1)
Huyệt chơn-long mong bán đất trời,
Thời người rằng tu thân bất độ. (2)

Dưới thành-hạ mang cần-câu trúc,
Kìa-kìa chàng quốc-sĩ Hoài-âm; (3)
Trong lý-trung xách thớt chia phần,
Nọ-nọ đứng mưu-thần Diễn-võ, (4)

Khó ai hơn *Mãi-thần Mông-chính*?
Cũng có khi ngựa cỡi tàng che?
Giàu ai qua *Vương-khải Thạch-sùng*,
Cũng có thuở tường-xiêu vách-đổ. (5)

Dầu ai mà:
Ruộng kim trâu cổ,
Sớm nở tối tàn; (6)
Diệc chung vu thủ-tiền-lỗ. (7)

CHUNG.

---

(1) Cơ tác... cùng đi... ra làm thầy bói thầy khoa mà kiếm ăn, thì chúng lại chê rằng: giỏi sao không vị mình mà phải đi bói mà ăn?

Tóan dã-hạc c. là thầy bói theo sách *dã-hạc*.

Trí túc vị cung c. là khôn đủ giúp mình

(2) Ra đi làm thầy địa-lý, coi huyệt coi mả cho người-ta mà kiếm tiền, thì chúng lại nói rằng: thầy giỏi sao chẳng độ mình.

Bán đất trời là ra dông chỉ con đất của trời rằng tốt rằng xấu mà ăn tiền thì là như bán đất của trời. *Tu thân bất độ* c. = giỏi sao chẳng độ mình?

Huyệt chơn long = là thầy coi địa-lý *tầm long điểm huyệt* = là tìm hàm rồng chỉ huyệt mả. *Chơn long* là hàn thiệt có rồng.

(3) Sức ông quốc-sĩ là Hàn-tín ở đất Hoài-âm kia cũng đã từng cơ-nghèo vác cần đi câu dưới bờ thành.

Coi giải nơi phú Hàn-tín.

(4) Tôi mưu-thần như Trần-bình ở đất diễn-võ, khi nghèo ở trong làng còn phải xách thớt mà chia thịt.

(5) Ấy nghèo-khó hơn hết là Châu Mãi-thần với Mông-chính mà cũng còn có thuở làm nên giàu-sang, được cỡi ngựa tàng che. Vương-khải với Thạch-sùng giàu-sang ai bằng mà cũng có khi hư-tàn, nghèo-khó, khốn-khổ, vách đổ tường xiêu; hư-nát đi hết nữa là.

(6) Ruộng kim trâu cổ là ruộng nay trâu xưa; dầu ai giàu muôn hộ ruộng trâu nhiều mặc lòng, thì cũng như hoa, sớm nở tối tàn chẳng bao lâu đâu.

(7) Diệc chung vu thủ-tiền-lỗ. c. = cũng rồi về đứa mọi giữ của = đi lại cũng là thằng mọi giữ của đời cho chúng vậy mà-thôi.